

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày 27/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Kim Quy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Toàn;
2. Bà Phùng Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2022/TLST-HS ngày 12/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HS ngày 06/9/2022 đối với các bị cáo:

1. **Sùng Mí L**, sinh năm 1986, tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Chứ P, sinh năm 1965 và bà Lò Thị L, sinh năm 1967, có vợ Lò Thị D, sinh năm 1989; có 5 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 09/02/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. **Sùng Mí C**, sinh năm 1979 tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Chá C (đã chết) và bà Ly Thị S (đã chết), có vợ Ly Thị M, sinh năm 1976; có 2 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 09/02/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. **Lò Mí P**, sinh năm 1991 tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Chá P, sinh năm 1966 và bà Ly Thị M, sinh năm 1969, có vợ Giàng Thị

M, sinh năm 1993; có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 31/5/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí L và Lờ Mí P: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí C: Bà Bùi Thị Hà - Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Giàng Mí T; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; mặt.

- Ông Vàng Mí C; Anh Vàng Mí C, sinh năm 2007; cùng địa chỉ: Thôn S xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vàng Sía C; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Anh Sùng Mí S, Sùng Mí T, Sùng Mí L; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Anh Vừ Phái H, Lầu Thị D; cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Anh Ly Mí N, Ly Mí N, Ly Mí S, Ly Vả L, Sùng Mí D, Sùng Mí C, Sùng Dũng S, Sùng Mí S, Ly Mí C, Lờ Chúa D, Giàng Mí V, Giàng Mí S; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Chị Lờ Thị D; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Chị Ly Thị M; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người phiên dịch tiếng Mông: Bà Tráng Thị L; địa chỉ: Tổ 6, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đây từng đi Trung Quốc làm thuê nên Sùng Mí L, sinh năm 1986; Sùng Mí C, sinh năm 1979; Lờ Mí P, sinh năm 1991 đều trú tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang có quen Lờ Mí X (người Trung Quốc, nhà cách biên giới Trung Quốc- Việt Nam khoảng 1km). Khoảng đầu tháng 8/2019, X điện thoại cho L, bảo L tìm người đi Trung Quốc làm thuê cho X, công việc là phát rừng, đào hố, trồng cây, tiền công nhận được là 100NDT/ngày/người, nếu nhận khoán có thể nhận 6.000 đến 7.000NDT/ tháng. Nếu người làm có nhu cầu, X có thể ứng trước cho tiền công, còn tiền công tìm người X sẽ trả cho L 500NDT (không xác định được tiền công tìm người là 500NDT/người hay 01 chuyến), nhưng phải tìm được ít nhất 10 người mới đủ chuyến xe đi. L đồng ý

rồi đến gặp Sùng Mí C (C là chú L), bảo C tìm người đưa đi Trung Quốc làm thuê, nội dung như X đã trao đổi với L trước đó, C đồng ý.

Khoảng giữa tháng 8/2019, L, C lên chợ X, huyện M gặp Lò Mí X nhận tiền ứng cho người lao động, X đưa cho L 5.000NDT, L đưa lại cho C 2.500NDT. Khoảng 1 tuần sau, X gửi Giàng Mí V, trú tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (trước đây V cũng đã đi Trung Quốc làm thuê nên cũng quen biết X, lần này V lên nhà X chơi) 5.000NDT về cho L để cho người lao động ứng trước. Khi nhận được tiền, L tiếp tục đưa cho C 2.500NDT để C ứng trước tiền công cho những người C tìm được.

Trong tháng 8/2019 L rủ được 8 người, C tìm được 6 người đưa sang Trung Quốc làm thuê cho X, cụ thể:

Sùng Mí L tìm rủ được: **Giàng Mí T**, sinh năm 1999, trú tại thôn H, xã T; **Vàng Mí C** sinh năm 1975, **Vàng Mí C** sinh ngày 28/6/2007, đều trú tại: Thôn S, xã T; **Sùng Mí T**, sinh năm 1995, **Sùng Mí S** sinh năm 1989, **Sùng Mí L** sinh năm 1999, đều trú tại: Thôn Đ, xã T; **Vừ Phái H** sinh năm 1979, **Lâu Thị D** sinh năm 1983(vợ của H)cùng trú tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khi gặp những người này, L đều vận động với nội dung đi Trung Quốc làm thuê cùng L, công việc là phát rừng, trồng cây, tiền công nhận được là 100NDT/ngày, nếu đi L sẽ cho ứng trước tiền công lao động. Khi 8 người này đồng ý, L cho Vàng Mí C sinh năm 2007 ứng trước 400NDT, Sùng Mí S ứng 700NDT, còn 6 người, mỗi người L cho ứng 500NDT, còn lại 900NDT là tiền ứng của L.

Sùng Mí C tìm được 4 người gồm: Ly Mí N sinh năm 1984, Ly Mí N sinh năm 1996, Ly Mí S sinh ngày 10/12/2002, Ly Vả L sinh năm 1963, cùng trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Đ. Khi gặp những người này, C đều vận động đi Trung Quốc làm thuê với C, công việc là phát rừng, trồng cây, tiền công là 100NDT/ngày, nếu đi thì C cho ứng trước tiền công, những người này đồng ý. Sùng Mí C đã cho N ứng 1.000NDT; Ly Vả L ứng 500NDT; Ly Mí N ứng 3.200.000^d, tương đương 1.000NDT; Ly Mí S không ứng trước tiền công lao động.

Biết C cho những người lao động ứng trước tiền nên Sùng Mí D, sinh ngày 14/4/2000; Sùng Mí C, sinh năm 1990 cùng trú tại thôn Đ, xã T, huyện Đ cũng đến xin C cho đi Trung Quốc làm thuê và yêu cầu được ứng trước tiền công nên C đã cho Sùng Mí C ứng 3.200.000^d (tương đương 1.000 NDT); Sùng Mí D ứng 1.000NDT, còn lại 500NDT là tiền ứng của C.

Cũng trong thời gian giữa tháng 8/2019, Lò Mí X gọi điện thoại cho Lò Mí P bảo tìm người sang Trung Quốc làm thuê cho X, cũng hứa hẹn trả tiền công và ứng trước tiền như với L và C, hứa hẹn với P trả công cho P tìm người là 500NDT/1 người, nhưng phải tìm được ít nhất 10 người thì mới đủ 1 chuyến xe, P đồng ý rồi tìm được 3 người gồm: Sùng Dũng S, sinh năm 1976; Sùng Mí S, sinh năm 1987; Ly Mí C (tên gọi khác Ly Mí S), sinh ngày 24/01/2001 cùng trú tại thôn Đ, xã T rủ đi Trung Quốc làm thuê, 3 người này đồng ý. Vì không có tiền nên P đến vay tiền của Lò Mí C, sinh năm 1999 ở cùng thôn

2.000NDT, sau đó cho Sùng Dũng S và Sùng Mí S mỗi người ứng 1.000NDT, còn Ly Mí S, P hẹn khi nào đến nhà chủ người Trung Quốc sẽ cho ứng sau. Khoảng 3 ngày sau, P đến nhà Lò Mí X ứng 2.000NDT về trả cho Lò Mí C.

Sau khi tìm được người thì Sùng Mí L gọi điện thông báo cho Lò Mí X biết, X hẹn đến 1 giờ sáng ngày 28/8/2019 xuất phát, X sẽ đón ở biên giới chỗ giáp thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. X cũng thông báo cho L biết là Lò Mí P cũng đưa 3 người lên nên sẽ đi cùng thời gian, cùng chuyển cho đủ người. Trao đổi với X xong, L thông báo lại cho Sùng Mí C. Sau đó, L, C, P thông báo cho những người mà mình tìm được, đến 1 giờ sáng ngày 28/8/2019 chủ động xuất phát từ thôn Đ, xã T, huyện Đ lên biên giới nơi X hẹn đón tập trung để đi sang Trung Quốc.

Như đã thống nhất, khoảng 1 giờ sáng ngày 28/8/2019, có 20 người gồm: Sùng Mí L (thuê Sùng Mí P cùng thôn với L đưa đi); Sùng Mí C (thuê Lò Chúa D, cùng thôn với C đưa đi); Lò Mí P (nhờ Giàng Mí V, cùng thôn với P đưa đi); Ly Vả L (nhờ anh Ly Chư P, cùng thôn Đ đưa đi); Ly Mí S, Ly Mí N (thuê Sùng Mí T cùng thôn Đ đưa đi); Ly Mí N (thuê Ly Mí P cùng thôn Đ đưa đi); Vàng Mí C sinh ngày 28/6/2007, Vàng Mí C sinh năm 1975, Giàng Mí T, Vừ Phái H, Lầu Thị D (không rõ người đưa đi); Sùng Mí S (thuê Ly Sìa C cùng thôn Đ đưa đi); Sùng Mí T (thuê Sùng Mí P sinh sống cùng thôn Đ đưa đi); Sùng Mí L (nhờ Thò Mí P sống cùng thôn Đ đưa đi); Sùng Mí D (tên gọi khác Sùng Chá P) (nhờ Giàng Mí S, trú cùng thôn H, xã T đưa đi); Sùng Mí C (thuê Giàng Mí V, trú cùng thôn H, xã T đưa đi); Sùng Dũng S (nhờ Ly Mí N, sống cùng thôn Đ đưa đi); Sùng Mí S (nhờ Vàng Mí P sống cùng thôn Đ đưa đi); Ly Mí C, tên gọi khác Ly Mí S (nhờ anh Vừ Mí L, sống cùng thôn Đ đưa đi).

Những người này xuất phát từ xã T (đi bằng xe máy) đi theo đường xã S, huyện M đi vào thôn M, xã T, huyện M.

Khi đến biên giới thôn M, xã T, huyện M thì có 11 người đến trước gồm: Sùng Mí C (bị cáo), Lò Mí P, Vàng Mí C sinh ngày 28/6/2007, Sùng Mí S, Sùng Mí T, Sùng Mí L, Sùng Mí D, Sùng Mí C sinh năm 1990, Sùng Dũng S, Sùng Mí S, Ly Mí S (Ly Mí C).

Lò Mí P nhờ Giàng Mí V (người lái xe máy chở P), Sùng Mí C nhờ Lò Chúa D (người lái xe chở C) đi sang nhà Lò Mí X cầm hộ tiền về cho P và C, ngoài ra còn có Giàng Mí S, sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã T đi cùng Hồ Chúa D sang nhà Lò Mí X.

Khoảng 15 phút sau Lò Mí X lái xe ô tô đến đón nên 14 người này đi bộ vượt biên giới sang Trung Quốc rồi được đưa đến nhà X cách biên giới 1km. Khi đến nhà, X cho P biết đã cho Sùng Mí L và Sùng Mí C ứng hết tiền rồi, không còn tiền cho P ứng nữa, hẹn khi nào sẽ gửi về cho P sau, P đồng ý, Giàng Mí V quay về nhà.

Ở nhà Lò Mí X được khoảng 30 phút, thấy đã đủ người đi một chuyến, X yêu cầu 10 người gồm: Lò Mí P, Vàng Mí C sinh ngày 28/6/2007, Sùng Mí S,

Sùng Mí T, Sùng Mí L, Sùng Mí D, Sùng Mí C sinh năm 1990, Sùng Dũng S, Sùng Mí S, Ly Mí S (Ly Mí C) lên xe đi đến nơi lao động trước, còn Sùng Mí C (bị cáo) ở lại đợi Sùng Mí L và nhóm người đi sau. Đợi khoảng 1 tiếng đồng hồ không thấy, nên Lờ Mí X bảo C cùng ra biên giới xem mọi người đã đến chưa, thì thấy có 08 người đã đến đây gồm: Giàng Mí T, Vàng Mí C (sinh năm 1975), Ly Mí N, Ly Mí N, Ly Mí S, Ly Vả L, Vừ Phái H và vợ là Lầu Thị D, Lờ Mí X yêu cầu 8 người này lên xe ô tô rồi đưa thẳng đến nơi làm việc.

Đối với nhóm 10 người đi trước (trong đó có bị cáo Lờ Mí P), khi đi qua trạm kiểm soát công an Phong Xuyên, huyện Phong Khai, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc thì bị kiểm tra, bắt giữ, tạm giam 4 tháng. Đối với vàng Mí C, sinh ngày 28/6/2007 do còn nhỏ tuổi nên được trao trả về Việt Nam trước, còn lại 9 người bị Tòa án nhân dân quận Đoàn Châu, thành phố Triệu Khánh, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc xét xử về tội: Vượt biên trái phép và bị xử mỗi người 11 tháng tù, buộc nộp phạt 1.000NDT, buộc trục xuất. Đến ngày 05/6/2021, được trao trả về Việt Nam qua Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế T, thuộc Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Cao Bằng. Đoàn biên phòng T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi công dân 4.000.000^d, chuyển Quyết định xử phạt đến Ủy ban nhân dân huyện Đ để thi hành.

Đối với Giàng Mí S, Lờ Chúa D, ngày 28/8/2019, được Sùng Mí L nhờ cầm hộ tiền từ nhà Lờ Mí X về, đã đưa cho Lờ Thị D, sinh năm 1989 (vợ của Sùng Mí L) 15.600NDT; Ly Thị M, sinh năm 1976 (vợ của Sùng Mí C) 15.500NDT. Sau đó Sùng Mí L gọi điện về bảo chị D đưa cho 2 vợ chồng Vừ Phái H 5.000NDT; Giàng Mí T 3.000NDT; Vàng Mí C Sinh năm 1975 2.000NDT, còn lại 5.600NDT là tiền công lao động của L. Sùng Mí C gọi điện về bảo chị Ly Thị M đưa cho gia đình Ly Mí N 2.000NDT, Ly Mí N 1.000NDT, Ly Vả L 2.500NDT, Ly Mí S 500NDT, còn lại 9.500NDT là tiền công lao động của C.

Tháng 12/2019, sau khi làm thuê ở Trung Quốc về thì Sùng Mí L được Lờ Mí X thanh toán thêm 700NDT tiền công lao động và 500NDT tiền công tìm người đi Trung Quốc làm thuê; Sùng Mí C được X trả thêm 500NDT tiền công lao động và 500NDT tiền công tìm người đi Trung Quốc làm thuê, nhưng tiền này Lờ Mí X trừ trực tiếp vào chi phí đi xe về của C.

Cáo trạng số 20/CT-VKS-HG ngày 10/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lờ Mí P về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C, Lờ Mí P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội:

Bị cáo Sùng Mí L trình bày: Tháng 8/2019 Lờ Mí X (người Trung Quốc) điện thoại cho bị cáo rủ bị cáo đi Trung Quốc làm thuê cho X, nhờ bị cáo tìm thêm người đi cùng cho đủ 1 chuyến xe của X, vì nếu đưa 1 người sẽ tốn tiền xăng xe cũng như X có nhu cầu tìm nhiều người làm thuê. Bị cáo đã tìm được 8

người và đưa sang Trung Quốc cùng bị cáo vào khoảng 1 giờ ngày 28/8/2019 qua địa phận thôn M xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Sau 4 tháng làm thuê cho X, bị cáo được X trả công tìm người là 500NDT. Bị cáo không liên lạc với C, P trao đổi việc tìm người, không bàn bạc với ai về việc tìm người đưa sang Trung Quốc.

Bị cáo Sùng Mí C trình bày: Bị cáo là cậu ruột của bị cáo L, nhà bị cáo và nhà L ở cạnh nhau. Khoảng tháng 8/2019, L có nói với bị cáo về việc tìm người đi Trung Quốc làm thuê, không bàn bạc, thống nhất gì. Bị cáo đã tìm được 6 người cùng bị cáo sang Trung Quốc ngày 28/8/2019 qua địa phận thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang cùng với L. Bị cáo làm thuê cho X 4 tháng, được X trả công tìm người là 500 NDT.

Bị cáo Lò Mí P trình bày: Tháng 8/2019, Lò Mí X điện thoại cho bị cáo rủ bị cáo đi làm thuê cho X, nhờ bị cáo tìm thêm người đi làm thuê cho X. Bị cáo đã tìm được 3 người cùng bị cáo sang Trung Quốc ngày 28/8/2019 qua địa phận thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang cùng với L. Bị cáo gặp L, C và những người đi cùng tại biên giới, không bàn bạc, thống nhất gì với L, C. Khi bị cáo đi qua biên giới 1 ngày thì bị công an Trung Quốc bắt giam 21 tháng mới được trả về Việt Nam.

Các bị cáo đều nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ, tài liệu luận tội các bị cáo và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố; phân tích tính chất của vụ án, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; đánh giá vai trò tham gia thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C, Lò Mí P phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C:

+ Xử phạt bị cáo Sùng Mí L từ 6 đến 7 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 09/02/2022;

+ Xử phạt bị cáo Sùng Mí C từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 09/02/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Mí P: Xử phạt bị cáo Lò Mí P từ 1 đến 2 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 31/5/2022.

- Truy thu của bị cáo L, C số tiền 1.000 NDT, mỗi bị cáo 500NDT quy đổi là 1.636.000^d nộp ngân sách nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo trình bày: Điều nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo L, C, P cũng như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị tuyên các bị cáo phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo Điều 349 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của các bị cáo rất khó khăn; nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội là do người bên Trung Quốc lợi dụng, bản thân các bị cáo muốn giúp đỡ gia đình có thu nhập thêm, nên mới nhận lời tìm người để đưa sang Trung Quốc làm thuê và mong muốn những người làm thuê có thêm thu nhập để giúp đỡ gia đình của họ. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhân thân tốt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí L, Lò Mí P bà Nguyễn Thị Thanh Huyền: Đề nghị xử phạt bị cáo L từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù; xử phạt P 1 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí C bà Bùi Thị H: Đề nghị xử phạt bị cáo C 5 năm tù.

Phản tranh luận: Các bị cáo L, C, P nhất trí với luận tội và đề nghị về tội danh, mức hình phạt của Kiểm sát viên; nhất trí với nội dung bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến gì bổ sung thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với mức thấp nhất, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, những người làm chứng Giàng Mí T, Vàng Mí C, anh Vàng Mí C sinh năm 2007 và người đại diện theo pháp luật: Ông Vàng Sía C là bố đẻ anh C, Sùng Mí S, Sùng Mí T, Sùng Mí L, Vừ Phái H, Lầu Thị D, Ly Mí N, Ly Mí N, Ly Mí S, Ly Vả L, Sùng Mí D, Sùng Mí C, Sùng Dũng S, Sùng Mí S, Ly Mí C, Lò Chúa D, Giàng Mí V, Giàng Mí S vắng mặt không có lý do. Sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo, xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của người lao động do L, C, P tìm được để đưa sang Trung Quốc lao động, phù hợp với Biên bản nhận dạng, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Do trước đây Sùng Mí L, Sùng Mí C, Lò Mí P đi lao động làm thuê ở Trung Quốc nên đã quen 01 người quốc tịch Trung Quốc tên là Lò Mí X (*nhà cách biên giới Trung Quốc- Việt Nam khoảng 1km*). Khoảng tháng 6/2019, X gọi điện cho L bảo L tìm người đi Trung Quốc làm thuê cho X, công việc là phát rừng, đào hố, trồng cây tiền lương khoảng 100 Nhân dân tệ (CNY)/01 người/01 ngày. Sùng Mí L nói lại với Sùng Mí C nội dung trao đổi với X và bảo C cùng tìm người đưa đi Trung Quốc. Tháng 8/2019, X gọi điện cho P đặt vấn đề tìm người đi làm thuê và hứa hẹn giống như với L. Sau đó Sùng Mí L đã tìm và rủ được 8 người, cụ thể: ⁽¹⁾ Giàng Mí T, sinh năm 1999, trú tại thôn H, xã T; ⁽²⁾ Vàng Mí C sinh năm 1975, ⁽³⁾ Vàng Mí C sinh ngày 28/6/2007, đều trú tại: Thôn S, xã T; ⁽⁴⁾ Sùng Mí T, sinh năm 1995, ⁽⁵⁾ Sùng Mí S sinh năm 1989, ⁽⁶⁾ Sùng Mí L sinh năm 1999, đều trú tại: Thôn Đ, xã T; ⁽⁷⁾ Vừ Phái H sinh năm 1979, ⁽⁸⁾ Lầu Thị D sinh năm 1983 (vợ của H) cùng trú tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Sùng Mí C tìm và rủ được 06 người lao động, cụ thể: ⁽¹⁾ Ly Mí N sinh năm 1984, ⁽²⁾ Ly Mí N sinh năm 1996, ⁽³⁾ Ly Mí S sinh ngày 10/12/2002, ⁽⁴⁾ Ly Vả L sinh năm 1963; ⁽⁵⁾ Sùng Mí D, sinh ngày 14/4/2000; ⁽⁶⁾ Sùng Mí C, sinh năm 1990 cùng trú tại thôn Đ, xã T, huyện Đ. Lò Mí P tìm và rủ được 03 người lao động, cụ thể: ⁽¹⁾ Sùng Dũng S, sinh năm 1976; ⁽²⁾ Sùng Mí S, sinh năm 1987; ⁽³⁾ Ly Mí C (tên gọi khác Ly Mí S), sinh ngày 24/01/2001, cùng trú tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khoảng 01 giờ sáng ngày 28/8/2019, Sùng Mí L, Sùng Mí C, Lò Mí P tự thuê xe và nhờ người đưa số người lao động do L, C, P tìm được để đưa sang Trung Quốc lao động làm thuê trái phép (*Không làm thủ tục xuất nhập cảnh qua biên giới*). Tổng số người lao động các bị cáo tìm được và đưa sang Trung Quốc lao động làm thuê trái phép là 17 người, dẫn người đi qua thôn M, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang

[4] Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật, biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan, tổ chức

được Nhà nước cấp phép thực hiện mới hợp pháp; song với động cơ, mục đích vụ lợi về vật chất, thu lợi bất chính, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài với tổng số là 17 người, trong đó: L thực hiện tổ chức đưa 8 người, C thực hiện cùng với L đưa 6 người, P thực hiện đưa đi là 03 người. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực xuất cảnh, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới. Hành vi của các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C, Lờ Mí P đã phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự đối với Lờ Mí P với tình tiết định khung từ 1 đến 5 năm; điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự đối với Sùng Mí L, Sùng Mí C; với tình tiết định khung “Đối với từ 5 đến 10 người” có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

[5] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Mặc dù các bị cáo không phải là người chủ mưu, khởi xướng, nhưng khi được Lờ Mí X đặt vấn đề về việc tìm người Việt Nam đưa sang Trung Quốc làm thuê và được X hứa trả tiền công được hưởng lợi, các bị cáo đã nhận lời. Bị cáo Sùng Mí L là người trực tiếp tổ chức đưa 08 người vượt biên trái phép sang Trung Quốc, trực tiếp nhận 42.300 NDT, trong đó: Đưa lại cho bị cáo Sùng Mí C 15.500NDT, 6.300NDT là tiền công lao động của L và 15.000NDT tiền công ứng trước của người lao động sang Trung Quốc làm thuê, 500NDT tiền công tìm người đi Trung Quốc làm thuê, L là người giữ vai trò chính trong vụ án, phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt cao nhất. Bị cáo Sùng Mí C trực tiếp đi tìm người để đưa sang Trung Quốc và đã tìm được 06 người, tích cực cùng với L và P đưa 6 người vượt biên trái phép sang Trung Quốc vào sáng ngày 28/8/2019 và nhận tiền công ứng trước của những người lao động đi làm thuê tại bên Trung Quốc do L đưa cho là 20.500NDT, nhận trực tiếp từ Lờ Mí X là 1.000NDT, trực tiếp chi trả tiền công cho từng gia đình của những người lao động với số tiền 11.000 NDT và nhận tiền công lao động làm thuê bên Trung Quốc số tiền 10.000NDT, nhận tiền công đưa người sang Trung Quốc là 500NDT; được xác định giữ vai trò thứ hai trong vụ án, phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt cao thứ hai. Bị cáo Lờ Mí P là người trực tiếp đi tìm người để đưa sang Trung Quốc và đã tìm được 03 người và cùng L, C tổ chức vượt biên trái phép sang Trung Quốc, chưa được nhận tiền công lao động thì bị bắt; bị cáo được xác định giữ vai trò thứ ba trong vụ án, chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt thấp hơn bị cáo C.

[6] Đây là vụ án các bị cáo thực hiện hành vi độc lập, không được bàn bạc gì với nhau nên hành vi của các bị cáo không phải là đồng phạm.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số,

sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn và căn cứ quyết định hình phạt; xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo L và C được hưởng lợi ích vật chất nhận tiền công từ việc tổ chức người khác trốn đi nước ngoài mỗi bị cáo với số tiền 500.000 VND; Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[11] Đối với những người được L, C, P tổ chức trốn sang Trung Quốc lao động làm thuê, trong quá trình điều tra đều không có đề nghị gì về tiền công lao động mà bị các bị cáo L, C, P chi trả; không có ý kiến đề nghị gì liên quan đến trách nhiệm dân sự; do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng: Số tiền 1.000 CNY các bị cáo L, C được hưởng lợi từ việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, cần truy thu của các bị cáo L, C để sung vào ngân sách Nhà nước.

[13] Căn cứ vào Văn bản số 283/HAG-TH ngày 17/3/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang thể hiện, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam (VND) so với đồng Nhân dân tệ (CNY) tại thời điểm các bị cáo phạm tội: Ngày 28/8/2019 là: 1 CNY = 3.272,7 VND (một CNY đổi được ba nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng bảy hào VND); do đó số tiền bị truy thu là: Bị cáo L, C mỗi bị cáo là $(500 \times 3.272,7) = 1.636.000^d$ (Một triệu sáu trăm ba sáu nghìn đồng chẵn) .

[14] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 15, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[15] Từ những phân tích nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C, Lờ Mí P về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phát biểu luận tội và đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, án phí của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo về cơ bản nhất trí với cáo trạng truy tố các bị cáo, bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên

được chấp nhận. Người bào chữa cho bị cáo P đề nghị xử phạt bị cáo P với mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là 01 năm tù là chưa tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Trong vụ án này còn có một số đối tượng liên quan:

[18] Đối với đối tượng có tên Lò Mí X, người Trung Quốc do các bị cung cấp, trong quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của X nên Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý khi có căn cứ.

[19] Đối với hành vi Vượt biên trái phép của Lò Mí P đã bị Tòa án nhân dân quận Đoàn Châu, thành phố Triệu Khánh, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc xử phạt 11 tháng tù, không liên quan đến hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài của Lò Mí P.

[20] Đối với những người đưa các bị cáo và người lao động lên biên giới đều là người thân quen với các bị cáo, người lao động nên đã nhận lời chở thuê, giúp. Quá trình điều tra, xác định những người này không được trao đổi, thống nhất nội dung gì với các bị cáo và người lao động về việc tổ chức đưa người đi Trung Quốc, vì vậy không xử lý là có căn cứ.

[21] Đối với 17 công dân xuất cảnh trái phép đi Trung Quốc, có 09 công dân đã bị Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế T, Bộ đội biên phòng tỉnh Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; còn 08 công dân đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên cơ quan điều tra không xem xét đề nghị xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[22] Đối với Lò Thị D (vợ bị cáo Sùng Mí L) và Ly Thị M (vợ bị cáo Sùng Mí C) được nhận tiền do Sùng Mí L và Sùng Mí C gửi Giàng Mí S, Lò Chúa D, sau đó đã chi trả cho gia đình những người đi Trung Quốc làm thuê. Tuy nhiên D và M sử dụng số tiền này theo yêu cầu của L, C, không được trao đổi, thống nhất, hưởng lợi gì từ việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[23] Đối với Giàng Mí V, Giàng Mí S, Lò Chúa D đã vượt biên trái phép sang Trung Quốc, nhận tiền từ Lò Mí X giúp các bị cáo L, C, P, không được trao đổi, thống nhất, hưởng lợi việc tìm người đi Trung Quốc, chưa đủ căn cứ xử lý hình sự về hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài; hành vi vi vượt biên trái phép đã hết thời hiệu xử lý hành chính nên không xem xét xử phạt là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C, Lò Mí P phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Hình phạt

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sùng Mí L; xử phạt bị cáo Sùng Mí L 6 (Sáu) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/02/2022.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sùng Mí C; Xử phạt bị cáo Sùng Mí C 5 (Năm) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/02/2022;

- Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Mí P; Xử phạt bị cáo Lò Mí P 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/5/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Truy thu của các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C để sung vào ngân sách Nhà nước mỗi bị cáo là 1.636.000^d (Một triệu sáu trăm ba sáu nghìn đồng chẵn).

3. Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 15, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí L, Sùng Mí C, Lò Mí P.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 01, PC 02, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy

